

PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

NGUYỄN THỊ BÁO^(*)

Quyền của người khuyết tật là mối quan tâm không chỉ của riêng một quốc gia nào. Tôn trọng và bảo đảm quyền của người khuyết tật là vấn đề mang ý nghĩa nhân đạo, từ thiện, đồng thời còn mang ý nghĩa kinh tế, xã hội và pháp lý. Nội dung bài viết phân tích thực trạng pháp luật về quyền của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay trên các phương diện dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá; nêu bật những ưu điểm, hạn chế cơ bản và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế đó; trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay.

Pháp luật về quyền của người khuyết tật tuy không phải là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật nhưng có quan hệ chặt chẽ, tương tác và gắn bó với các ngành luật khác. Đó là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình bảo đảm thực hiện các quyền cơ bản của người khuyết tật trên các lĩnh vực dân sự, chính trị; kinh tế, xã hội và văn hoá.

Pháp luật về quyền của người khuyết tật ở Việt Nam bao gồm 5 nội dung cơ bản. *Thứ nhất*, quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về việc chăm sóc, bảo vệ nhằm tôn trọng và bảo đảm quyền của người khuyết tật. *Thứ hai*, công nhận tư cách pháp nhân và ban hành quy chế hoạt động của các tổ chức của và vì người

khuyết tật. *Thứ ba*, quy định quyền của người khuyết tật theo các nhóm quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. *Thứ tư*, điều chỉnh các hoạt động về hợp tác quốc tế, các hoạt động từ thiện của các tổ chức trong và ngoài nước vì mục đích hỗ trợ người khuyết tật Việt Nam. *Thứ năm*, các quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm.

Điều đó cho thấy quyền của người khuyết tật sẽ được bảo đảm thực hiện khi có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Tuy nhiên, việc bảo đảm quyền của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập. Vẫn còn tình trạng người khuyết tật bị phân biệt đối xử, thậm chí bị miệt thị, bị lạm dụng, bị lãng quên. Nguyên nhân của tình trạng trên có nhiều, trong đó, có nguyên nhân

^(*) TS., Viện Nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

thiếu một hệ thống pháp luật hoàn thiện tạo cơ sở cho việc tôn trọng và bảo đảm quyền của người khuyết tật. Do vậy, hơn lúc nào hết cần phải hoàn thiện pháp luật về quyền của người khuyết tật để tạo cơ hội bình đẳng cho họ cống hiến và hưởng thụ theo các quyền của mình.

I. Thực trạng pháp luật về quyền của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay

1. Một số quyền dân sự, chính trị cơ bản

Hiến pháp và Pháp luật Việt Nam đã ghi nhận và khẳng định những quyền tự do dân chủ cơ bản trên lĩnh vực dân sự, chính trị của người khuyết tật bao gồm: *quyền bầu cử, ứng cử; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội; quyền tự do hội họp và tự do lập hội; quyền bình đẳng trước pháp luật...* Mọi hành vi vi phạm các quyền đó đều bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998 khẳng định: *"Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện bình đẳng các quyền về chính trị"* cho người khuyết tật (Khoản 1, Điều 3). Quy định này cho thấy, Nhà nước không những tôn trọng mà còn khuyến khích, tạo điều kiện cho người khuyết tật thực hiện quyền dân sự, chính trị của họ.

Về quyền bầu cử, ứng cử: Đây là một trong những quyền chính trị hết sức quan trọng, đảm bảo quyền bầu cử và ứng cử cho người khuyết tật có nghĩa là Nhà nước đã thực hiện được quyền làm chủ của người khuyết tật. Quyền bầu cử, ứng cử của người khuyết tật được ghi nhận trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, được cụ thể hoá trong các văn bản luật và dưới luật.

Về quyền tự do hội họp và tự do lập

hội: Đối với người khuyết tật, quyền này có ý nghĩa đặc biệt, bởi khi tham gia hội họp trong các tổ chức của và vì người khuyết tật, người khuyết tật có cơ hội giao lưu nâng cao nhận thức xã hội; tự tin hơn vào cuộc sống; đặc biệt là họ có được sự cảm thông, chia sẻ kinh nghiệm sống, học tập, làm việc từ chính những người cùng cảnh ngộ; họ có thể hỗ trợ nhau cả về vật chất và tinh thần; động viên nhau cùng tiến bộ và cao hơn nữa là giúp nhau hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình để có tiếng nói đồng cảm, kêu gọi trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội đối với họ. Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998 đã khẳng định: *"Người tàn tật được thành lập, gia nhập, hoạt động trong các tổ chức xã hội, các hiệp hội sản xuất, kinh doanh của người tàn tật theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân được thành lập, gia nhập các tổ chức bảo trợ người tàn tật theo quy định của pháp luật"* (Điều 7).

Trên thực tế, quyền được hội họp và lập hội của người khuyết tật đã được tôn trọng và bảo đảm thực hiện, Việt Nam hiện đã có một số tổ chức của người khuyết tật được thành lập. Điển hình nhất là sự ra đời của Hội Người mù Việt Nam (năm 1969). Đây là sự kiện quan trọng, một mặt đáp ứng được nguyện vọng thiết tha của những người bị khuyết tật về thị giác (khiếm thị); mặt khác, *"là mốc son đánh dấu sự thay đổi to lớn trong cuộc sống của người mù. Đó là giải quyết vấn đề người mù không trên cơ sở ban ơn, cứu trợ, coi người mù là người bất lực, tàn phế... mà trên cơ sở giúp đỡ cho người mù phát huy khả năng còn lại của mình, học tập nâng cao trình độ, tham gia sản xuất, làm việc, tham gia tích cực, chủ động và*

bình đẳng vào đời sống gia đình và xã hội" (1, tr.8). Hiện nay, Hội đã phát triển ở 42/64 tỉnh thành với trên 54.000 hội viên. Ngoài ra còn phải kể đến: Hiệp hội sản xuất kinh doanh của người tàn tật, thành lập năm 2003, đã có tổ chức tại 32/64 tỉnh thành với 250 hội viên hoạt động theo tiêu chí trợ giúp người khuyết tật có cơ hội tiếp cận và hưởng thụ quyền về lao động và việc làm (2, tr.2); Hiệp hội Thể thao người khuyết tật Việt Nam; Hội Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam;...

Về quyền bình đẳng trước pháp luật: Nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật là nguyên tắc cơ bản của chế định quyền và nghĩa vụ của công dân. Tuy nhiên, dưới góc độ quyền con người, không thể hiểu sự bình đẳng trước pháp luật của mọi công dân theo nghĩa cào bằng, máy móc. Bởi vì, mỗi người đều có những đặc điểm riêng về thể chất và tinh thần, có điều kiện, hoàn cảnh khác nhau về sức khỏe, điều kiện kinh tế, khả năng tiếp cận để hưởng thụ quyền và gánh vác nghĩa vụ của mình. Đối với người khuyết tật, là nhóm dễ bị tổn thương, họ gặp nhiều trở ngại trong tiếp cận và hưởng thụ quyền; do đó, Nhà nước phải có trách nhiệm hỗ trợ, phá bỏ rào cản, tạo cơ hội bình đẳng cho họ. Tiếp cận và hưởng thụ quyền, đó mới là sự bình đẳng theo đúng ý nghĩa của nó.

Qua nghiên cứu thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam về một số quyền dân sự, chính trị cơ bản của người khuyết tật hiện nay, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, Hiến pháp và Pháp luật Việt Nam đã ghi nhận và khẳng định những quyền tự do dân chủ cơ bản trên

lĩnh vực dân sự, chính trị của người khuyết tật. Mọi hành vi vi phạm các quyền đó đều bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Thứ hai, các quy định về quyền dân sự, chính trị của người khuyết tật còn là những quy định chung, mang tính nguyên tắc nên việc áp dụng còn mang lại hiệu quả chưa cao. Thực tế còn thiếu các quy định đặc thù trong lĩnh vực quyền dân sự, chính trị dành riêng cho người khuyết tật. Ngay Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998, là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất trong việc bảo đảm thực hiện quyền của người khuyết tật, nhưng cũng chỉ có các quy định chung chung trong Chương I, tại Khoản 1, Điều 3: "Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người tàn tật... tham gia các hoạt động xã hội"; tại Điều 7, về quyền được tham gia hoạt động trong các tổ chức xã hội, hiệp hội sản xuất kinh doanh và quyền được tham gia, thành lập các tổ chức bảo trợ xã hội. Do đó, có thể thấy trong Pháp lệnh còn thiếu các quy định cụ thể về quyền được tham gia quản lý nhà nước; quyền bầu cử, ứng cử; quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền được giữ bí mật đời tư, quyền tự do ngôn luận, báo chí; quyền được thông tin; quyền khiếu nại tố cáo; quyền không bị tước đoạt mạng sống; quyền được bảo hộ hôn nhân và gia đình..., là những quyền dân sự, chính trị quan trọng và là những quyền dễ bị xâm phạm nhất đối với người khuyết tật. Việc thiếu các quy định cụ thể hoá về những quyền này là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc người khuyết tật bị hạn chế trong việc hưởng thụ quyền bầu cử, ứng cử; không được tiếp cận thông tin, trong đó có thông tin về chính sách pháp luật đối với người

khuyết tật; không biết tổ cáo, khiếu nại khi bị vi phạm quyền; gặp nhiều trở ngại khi thực hiện quyền được kết hôn;...

2. Một số quyền kinh tế, xã hội và văn hoá cơ bản

Các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá cơ bản của người khuyết tật đã được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật, bao gồm: *quyền được chăm sóc sức khoẻ và phục hồi chức năng; quyền lao động và việc làm; quyền được học tập; quyền được hưởng thụ các giá trị văn hoá, tiếp cận các công trình công cộng và hoà nhập cộng đồng...*

Về quyền được chăm sóc sức khoẻ và phục hồi chức năng: Hiến pháp và pháp luật Việt Nam đã chú trọng ghi nhận nhóm quyền này, thể hiện rõ nhất là các quy định trong Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; các văn bản có liên quan do Bộ Y tế ban hành. Bên cạnh các văn bản quy định về quyền được chăm sóc sức khoẻ và phục hồi chức năng của người khuyết tật, Nhà nước còn chú trọng ban hành các văn bản về chính sách đối với các cán bộ y tế chăm sóc người khuyết tật, chính sách xã hội hoá công tác chăm sóc người khuyết tật; chính sách ngăn ngừa thương tích lao động, tai nạn, ngộ độc thực phẩm - những vấn đề liên quan trực tiếp đến sức khoẻ của con người, là một trong những nguyên nhân gây nên khuyết tật.

Trên thực tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong việc bảo đảm quyền được chăm sóc sức khoẻ và phục hồi chức năng của người khuyết tật. Ngành y tế đã triển khai thực hiện công tác phục hồi chức năng, hình thành hệ thống cơ sở, trung tâm, khoa chỉnh

hình, phục hồi chức năng cho người khuyết tật trên cả nước. Hiện nay, gần 100% các bệnh viện thuộc tuyến trung ương, khoảng 90% bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, thành phố đã có khoa phục hồi chức năng; 46/64 tỉnh, thành phố với 215 huyện, thị và 2.420 xã, phường triển khai thực hiện chương trình chăm sóc sức khoẻ và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; huấn luyện cho 74,1% gia đình có người khuyết tật về phương pháp phục hồi chức năng; trên 10 nghìn người khuyết tật vận động được cung cấp phương tiện trợ giúp như: xe lăn, xe đẩy, chân tay giả. Hàng chục nghìn trẻ em được phẫu thuật chỉnh hình, trợ giúp phục hồi chức năng về vận động, thần kinh, khiếm thị; một số cơ sở y tế đã bước đầu triển khai chương trình ngăn ngừa và phát hiện sớm dấu hiệu khuyết tật ở trẻ sơ sinh (3).

Về quyền lao động và việc làm: Bảo đảm quyền lao động việc làm một mặt, tạo cho người khuyết tật tâm lý tự tin vào cuộc sống, tự vươn lên, tự khẳng định mình, hạn chế sự phân biệt đối xử của xã hội, có thu nhập để tự trang trải cuộc sống, tạo cơ sở vật chất cho việc tiếp cận và hưởng thụ các quyền khác; mặt khác, chính lao động sẽ giúp cho người khuyết tật tự rèn luyện phục hồi chức năng một cách toàn diện để hưởng thụ và cống hiến. Quyền lao động việc làm của mọi công dân trong đó có người khuyết tật được quy định trong Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, tiếp tục được tái khẳng định trong Hiến pháp năm 1992; được cụ thể hóa trong Luật lao động năm 1994, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành; đặc biệt là trong Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998. Hệ thống các văn bản trên đã tạo cơ sở

pháp lý bảo đảm quyền lao động và việc làm của người khuyết tật.

Trong những năm qua, Chính phủ đã quan tâm chỉ đạo các Bộ, ban, ngành thành lập các trường dạy nghề, hệ thống các trung tâm giới thiệu việc làm, chương trình dạy nghề ngắn hạn, trong đó phải dành ưu tiên đặc biệt đối với lao động là người khuyết tật. Hai trường dạy nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm thu hút dạy nghề cho hơn 1 nghìn người khuyết tật. Hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm đã thu hút bình quân khoảng 10 nghìn người khuyết tật vào học nghề hàng năm. Riêng Hiệp hội sản xuất kinh doanh của người tàn tật có 57 trong số 250 cơ sở được cấp giấy đăng ký hoạt động dạy nghề; hàng năm, tạo việc làm cho hơn 60% số người được học nghề. Chương trình mục tiêu Quốc gia về giáo dục và đào tạo năm 2005 đã hỗ trợ kinh phí 11,5 tỷ đồng, năm 2006 con số này là 18,5 tỷ đồng, năm 2007 gần 20 tỷ đồng để dạy nghề ngắn hạn cho người khuyết tật. Hiện cả nước có hơn 400 cơ sở sản xuất với trên 20 nghìn lao động là người khuyết tật. Riêng Hội Người mù quản lý 147 cơ sở sản xuất tập trung với 40 nghìn lao động. Quỹ hỗ trợ việc làm Trung ương và các địa phương đã dành gần 40 tỷ đồng cho các cơ sở sản xuất kinh doanh của người khuyết tật vay vốn; riêng Hội Người mù đã quản lý, sử dụng 33,1 tỷ đồng từ nguồn quỹ này cho 10 nghìn hội viên vay vốn tạo việc làm. Theo kết quả khảo sát của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2005, có 64,86% số hộ có người khuyết tật được hưởng các chính sách hỗ trợ phát triển kinh doanh, 91,26% số hộ này được miễn giảm thuế, hỗ trợ tín dụng ưu đãi, hỗ trợ sản xuất (4, tr.33).

Tuy nhiên, ngay trong từng điều khoản của pháp luật vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến tạo rào cản cho việc thực thi quyền về lao động, việc làm của người khuyết tật, chẳng hạn: quy định về thời gian làm việc 7 tiếng trong ngày đối với người khuyết tật; quy định về điều kiện sức khoẻ khi tuyển dụng lao động; v.v...

Về quyền được học tập (quyền được giáo dục): "Có thể nói rằng quyền được giáo dục là điều kiện tiên quyết để thực hiện quyền con người" (6, tr.150). Quyền được giáo dục của người khuyết tật được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật, đặc biệt là tại chương III "*Học văn hóa đối với người tàn tật*" của Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998, đã tạo điều kiện cho việc xã hội hóa công tác giáo dục cho người khuyết tật, tạo cơ hội tốt hơn để người khuyết tật thực hiện quyền được học tập của mình.

Nhà nước đã quan tâm đến chế độ đãi ngộ đối với giáo viên dạy người khuyết tật, chẳng hạn Chính phủ đã ra Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 quy định về mức phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên tại các trường chuyên biệt. Đặc biệt, Nhà nước cũng quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy cho trẻ khuyết tật, ví dụ Khoa Giáo dục đặc biệt thuộc trường Đại học Sư phạm Hà Nội được mở mã ngành đào tạo, tạo cơ sở pháp lý cho việc đào tạo và cấp văn bằng, chứng chỉ cho giáo viên về giáo dục đặc biệt. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến nay cả nước có 105 trường chuyên biệt; 2.500 trường phổ thông tiến hành giáo dục hoà nhập cho người khuyết tật; 4 trường đại học sư phạm đã mở mã ngành sư phạm giáo dục đặc biệt; 3 trường cao đẳng sư phạm thành lập khoa giáo dục đặc biệt nhằm đào tạo

giáo viên trình độ cử nhân và cao đẳng sư phạm về tật học. Hơn 700 giáo viên được đào tạo trình độ cao đẳng về giáo dục hoà nhập và hơn 10 nghìn giáo viên mầm non và tiểu học đã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng dạy học hoà nhập cho các loại trẻ khuyết tật khác nhau. Năm 2005 có 230 nghìn trong số gần 1 triệu trẻ em khuyết tật được đi học, chiếm khoảng 24,22%. Hội người mù Việt Nam đã tổ chức cho 21 nghìn người mù học chữ nổi (chữ Braille). Bộ Văn hoá và Thông tin đã đầu tư thí điểm 2 phòng đọc dành cho người khiếm thị tại Thư viện khoa học tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh và Thư viện Hà Nội (5, tr.2).

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề chưa được pháp luật ghi nhận cụ thể, chẳng hạn các quy định về chương trình học, tài liệu, giáo trình, giáo viên thủ ngữ, ngôn ngữ, ký hiệu, chữ viết... những điều kiện mà thiếu nó người khuyết tật khó có thể thực hiện được quyền học tập của mình.

Về quyền được hưởng thụ các giá trị văn hoá, tiếp cận các công trình công cộng và hoà nhập cộng đồng: Hơn ai hết, người khuyết tật bị chịu nhiều thiệt thòi trong việc thực hiện quyền văn hóa và hòa nhập cộng đồng, do hạn chế bởi sự khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần. Quyền được hưởng thụ các giá trị văn hóa, tiếp cận môi trường và hòa nhập cộng đồng của người khuyết tật đã được Nhà nước quan tâm, tôn trọng và bảo vệ; được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật. Trong số các văn bản đó phải kể đến Luật Khoa học công nghệ năm 2000, Luật Xây dựng năm 2004, Luật Giao thông đường bộ, Luật Công nghệ thông tin,... Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998 đã dành chương V gồm 3 điều (từ Điều 24 đến Điều 26) quy

định về *Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và sử dụng công trình công cộng của người tàn tật.*

Các quy định của pháp luật đã được hiện thực hoá trong cuộc sống và đã đạt được những thành tựu. Một số các công trình lớn ở đô thị được xây dựng trong vài năm gần đây đã được thiết kế để người khuyết tật có thể tiếp cận thuận lợi như: sân bay Nội Bài, công trình Liên hiệp thể thao Mỹ Đình, Bảo tàng Dân tộc học, Trung tâm Thương mại Tràng Tiền, hè đường phố cổ Hội An... Một số công trình cũ được cải tạo và có chủ trương cải tạo để người khuyết tật tiếp cận thuận tiện như công trình cải tạo nhà hát Bến Thành tại Tp. Hồ Chí Minh, v.v.. *Việc thí điểm miễn vé xe buýt cho thương binh và người tàn tật* đã và đang được triển khai thực hiện ở các thành phố lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh. Ngành đường sắt đã chỉ đạo thực hiện việc giảm vé 10% cho học sinh khuyết tật và thương binh.

Trong những năm qua, Nhà nước đã hỗ trợ kinh phí cho Trung ương Hội Người mù sản xuất chữ nổi, sách nói, tổ chức các buổi liên hoan văn nghệ quần chúng các cấp, tạo diễn đàn cho người khuyết tật thể hiện năng khiếu, vui chơi giải trí. Ngành Văn hoá-Thông tin, Ủy ban Thể dục, Thể thao phối kết hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng các chương trình phục vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao cho người khuyết tật có cơ hội tiếp cận và tham gia. Đài truyền hình Việt Nam đã có chương trình hiện chữ và chạy chữ trên chương trình chào buổi sáng (VTV1) và chương trình tổng hợp thời sự vào lúc 22 giờ (VTV2) dành cho người khiếm thính.

Về thể dục, thể thao, cả nước đã có

35/61 tỉnh, thành phố thành lập câu lạc bộ thể dục, thể thao cho người khuyết tật tham gia tập luyện. Hàng năm, Ủy ban Thể dục, Thể thao phối hợp với Hiệp hội Thể thao người khuyết tật tổ chức các hội thi thể thao toàn quốc cho người khuyết tật. Nhân ngày lễ lớn, ngày Thương binh liệt sĩ, nhiều địa phương đã tổ chức thi và trao giải cho các vận động viên xuất sắc là người khuyết tật. Người khuyết tật Việt Nam đã tham gia thi đấu các kỳ thể thao người khuyết tật khu vực châu Á và thế giới, đạt nhiều thành tích cao, như tại Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á - Thái Bình Dương.

Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật về quyền kinh tế, xã hội và văn hoá có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá cơ bản của người khuyết tật đã được ghi nhận theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn trong Hiến pháp và pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho người khuyết tật tiếp cận và hưởng thụ quyền.

Thứ hai, pháp luật về quyền kinh tế, xã hội và văn hoá một mặt đã thể chế hoá được quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế-xã hội tạo điều kiện cơ bản cho mọi công dân, trong đó có người khuyết tật, được hưởng thụ theo các quyền của mình và cống hiến cho xã hội.

Thứ ba, pháp luật về quyền kinh tế, xã hội và văn hoá nhìn chung vẫn chưa hoàn thiện. Mặc dù đây là nhóm quyền được quy định cụ thể, chiếm dung lượng lớn nhất trong Pháp lệnh về người tàn tật năm 1998 (gồm 4 chương: II, III, IV, V với 17 Điều), nhưng vẫn thiếu các quy định về quyền được hưởng những điều

kiện làm việc công bằng, được trả thù lao bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau; cơ hội ngang nhau cho mọi người trong việc đề bạt; quyền hưởng an toàn xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội. Các quy định về quyền kinh tế, xã hội và văn hoá vẫn chịu ảnh hưởng của nhận thức về người khuyết tật dưới góc độ bảo trợ xã hội, chưa quán triệt quan điểm coi người khuyết tật ngoài nhu cầu cần hỗ trợ, bảo trợ còn có nhu cầu phát triển, tự khẳng định vị thế của mình một cách bình đẳng như mọi thành viên khác trong xã hội.

3. Những ưu điểm, hạn chế của pháp luật về quyền của người khuyết tật hiện nay và nguyên nhân

Về những ưu điểm: Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm tạo điều kiện cho người khuyết tật thực hiện các quyền cơ bản của con người. Sự quan tâm đó được thể chế hóa thành các quy định của pháp luật. Pháp luật về quyền của người khuyết tật Việt Nam, nhìn chung, bước đầu đã nội luật hóa được những nguyên tắc, chuẩn mực về quyền của người khuyết tật trong các Công ước quốc tế về quyền con người, mà Việt Nam là thành viên; có sự kế thừa, phát triển, bổ sung và sửa đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn; ngày càng chú trọng quy định về cơ chế bảo đảm quyền của người khuyết tật.

Đạt được những thành tựu trên, trước hết phải kể đến sự đổi mới về tư duy, nhận thức của Đảng, định hướng cho sự đổi mới tư duy và nhận thức của các nhà lập pháp; sau đó là sự đổi mới về nhận thức của toàn xã hội, của chính người khuyết tật về vị thế của người khuyết tật trong xã hội.

Về những hạn chế: Nhìn chung,

pháp luật về quyền của người khuyết tật hiện nay *tính ổn định chưa cao*. Về hình thức, chủ yếu là những văn bản dưới luật nên giá trị pháp lý còn thấp. Về nội dung, còn thiếu các quy định mang tính chất chế tài; còn nhiều quy định tạo rào cản cho việc tiếp cận và hưởng thụ quyền của người khuyết tật; còn nhiều quy định mang tính nguyên tắc, tính chiến lược hay nội dung chung chung mà thiếu các quy định chi tiết, cụ thể dẫn đến khó thực hiện, khó vận dụng. Hiện Việt Nam vẫn chưa có *Luật về quyền của người khuyết tật...* Chính những hạn chế này đã tạo rào cản khiến người khuyết tật khó tiếp cận và hưởng thụ theo các quyền của mình.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do: *Thứ nhất*, nhận thức của xã hội, của các cơ quan lập pháp, của chính người khuyết tật về quyền của người khuyết tật, pháp luật về quyền của người khuyết tật còn nhiều bất cập; nhiều vấn đề lý luận về pháp luật về quyền của người khuyết tật chưa được nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống; chậm tiến hành tổng kết, đánh giá một cách toàn diện, mang tính khoa học. *Thứ hai*, việc bổ sung sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về quyền của người khuyết tật còn mang nặng giải pháp tình thế, cơ chế quản lý nhà nước về tôn trọng và bảo đảm quyền của người khuyết tật còn thiếu tập trung thống nhất, còn phân tán, chia cắt giữa các ngành.

II. Quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay

Hoàn thiện pháp luật về quyền của người khuyết tật trong điều kiện hiện nay là một yêu cầu khách quan, cấp bách, xuất phát từ: yêu cầu giữ gìn và

phát huy truyền thống nhân đạo của dân tộc, tôn trọng, bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng cho người khuyết tật; yêu cầu phát huy vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm quyền của người khuyết tật; yêu cầu phù hợp với pháp luật quốc tế trong xu thế hội nhập và phát triển; yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; yêu cầu khắc phục những hạn chế của pháp luật về quyền của người khuyết tật ở nước ta hiện nay; và phù hợp với tình hình người khuyết tật trong điều kiện hội nhập và phát triển; nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo đảm quyền của người khuyết tật ngày càng tốt hơn, góp phần ổn định xã hội, nâng cao uy tín của Đảng và Nhà nước ta trên trường quốc tế.

Hoàn thiện pháp luật về quyền của người khuyết tật phải nhằm thể chế hoá chính sách của Đảng và Nhà nước để trợ giúp người khuyết tật khắc phục khó khăn, bình đẳng về cơ hội và điều kiện phát triển; trên cơ sở nhận thức đúng đắn vị trí của người khuyết tật trong xã hội để phát huy vai trò của người khuyết tật trong cộng đồng và xã hội; phải bảo đảm tính toàn diện, tính đồng bộ, tính thống nhất, tính phù hợp và tính khả thi; phải trên cơ sở gắn với việc hoàn thiện cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật và phải bảo đảm tính kế thừa, tiếp thu có chọn lọc và tương thích với pháp luật quốc tế về quyền của người khuyết tật.

Với yêu cầu hoàn thiện cả về nội dung và hình thức pháp luật về quyền của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp cụ thể là:

+ Rà soát, hệ thống hóa thường xuyên các văn bản pháp luật hiện hành

liên quan đến quyền của người khuyết tật;

+ Tổ chức nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực trạng pháp luật về quyền của người khuyết tật qua thực tiễn thi hành;

+ Khảo sát, phân loại người khuyết tật trên toàn quốc nhằm mục đích có được số liệu chính xác hơn về người khuyết tật, những thông số có ý nghĩa quan trọng giúp cho các nhà hoạch định chính sách và pháp luật, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật điều chỉnh kịp thời, bảo đảm quyền của người khuyết tật được thực hiện một cách hiệu quả, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng cụ thể trên nguyên tắc bình đẳng về cơ hội và không phân biệt đối xử;

+ Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực lập pháp về quyền của người khuyết tật để học hỏi kinh nghiệm, tranh thủ các nguồn lực cho việc nghiên cứu, xây dựng và áp dụng luật pháp

Tóm lại, xuất phát từ đòi hỏi của việc tôn trọng và bảo đảm quyền của người khuyết tật, việc hoàn thiện pháp luật là một nhu cầu khách quan nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc sống, tạo môi trường pháp lý ổn định, thông thoáng, thuận lợi, phá bỏ các rào cản cho người khuyết tật tiếp cận và hưởng thụ quyền; nâng cao vị thế của người khuyết tật, tạo điều kiện cho người khuyết tật cống hiến và hưởng thụ. Tuy nhiên, đây không phải là việc làm trong một sớm

một chiều, mà là một hoạt động mang tính lâu dài, phức tạp và nhạy cảm, đòi hỏi sự nỗ lực tập trung, thống nhất, sự phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp; sự nỗ lực của chính người khuyết tật, của nội lực và sự hợp tác quốc tế trên tinh thần bình đẳng, tự nguyện, tôn trọng độc lập chủ quyền của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hồng Thuỷ. Tầm nhìn lãnh tụ qua lời dạy: "Tàn nhưng không phế". Kỷ yếu Hội thảo khoa học "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về người khiếm thị*". H.: 2006.
2. Hà Minh. Chăm sóc người khuyết tật là truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam. *Báo Điện tử Đài Tiếng nói Việt Nam*, 19/4/2007.
3. Ban điều phối các hoạt động hỗ trợ người tàn tật Việt Nam. Kết quả thực hiện pháp luật về người tàn tật, 1998-2006, <http://www.nccdvn.org>.
4. Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội khoá XI. Báo cáo kết quả giám sát thực hiện chính sách pháp luật về người cao tuổi, người tàn tật, dân số. H.: Lao động - Xã hội, 2006.
5. Trung tâm Nghiên cứu quyền con người (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). Tuyên ngôn thế giới và hai Công ước 1966 về quyền con người. H.: 2002.